

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐƯỢC SOÁT XÉT
CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2020



MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 26

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (gọi tắt là "Công ty") đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Đào Khắc Hậu	Chủ tịch
Ông Nguyễn Quốc Trường	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 05 năm 2020)
Ông Đỗ Khắc Thanh	Ủy viên
Ông Hoàng Việt Dũng	Ủy viên
Ông Nguyễn Duy Việt	Ủy viên
Bà Nguyễn Hoàng Yến	Ủy viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 05 năm 2020)

Ban kiểm soát

Bà Đỗ Thu Hằng	Trưởng ban kiểm soát
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên
Ông Đinh Phúc Lộc	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Duy Việt	Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2020)
Ông Nguyễn Quốc Trường	Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2020)
Ông Phạm Hồng Quang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Trung Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Trung	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty tại ngày lập báo cáo này là ông Nguyễn Duy Việt - Ủy viên Hội đồng quản trị/Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 07 năm 2020)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trong việc lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNG

Số 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Nguyễn Duy Việt
Tổng Giám đốc

Ngày 25 tháng 07 năm 2020

Số: 072501/2020/BCSX-iCPA

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: **Các Cổ đông,
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 25 tháng 07 năm 2020 từ trang 6 đến trang 26, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do Kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)**

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 đã được soát xét bởi một công ty kiểm toán độc lập khác với kết luận đồng ý với Báo cáo tài chính giữa niên độ đó vào ngày 12 tháng 08 năm 2019.

Ngoài ra, Công ty kiểm toán này cũng thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 và đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần về Báo cáo tài chính đó vào ngày 28 tháng 02 năm 2020.



Nguyễn Thị Thanh Hoa

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1950-2013-072-01

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Kiểm toán Quốc tế (ICPA)

Hà Nội, ngày 25 tháng 07 năm 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

MẪU SỐ B 01A-DN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		152.662.033.929	144.036.914.943
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.676.902.220	37.036.720.768
1. Tiền	111		8.676.902.220	37.036.720.768
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		123.865.710.300	89.759.496.975
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	28.859.829.988	29.174.075.174
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	26.896.301.195	21.808.220.909
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	68.109.579.117	38.777.200.892
III. Hàng tồn kho	140		19.672.188.750	17.146.888.074
1. Hàng tồn kho	141	V.5	19.672.188.750	17.146.888.074
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		447.232.659	93.809.126
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.6a	293.524.061	72.290.406
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		23.492.825	21.518.720
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12a	130.215.773	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		14.128.165.938	16.665.203.741
I. Tài sản cố định	220		5.680.894.193	7.007.384.347
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	5.518.785.246	6.791.142.062
- Nguyên giá	222		16.062.269.929	17.177.359.133
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.543.484.683)	(10.386.217.071)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	162.108.947	216.242.285
- Nguyên giá	228		1.115.380.500	1.115.380.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(953.271.553)	(899.138.215)
II. Bất động sản đầu tư	230	V.9	4.642.100.840	4.816.135.530
- Nguyên giá	231		14.220.418.430	13.105.329.226
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.578.317.590)	(8.289.193.696)
III. Tài sản dài hạn khác	260		3.805.170.905	4.841.683.864
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.6b	3.805.170.905	4.841.683.864
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		166.790.199.867	160.702.118.684

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2020

MẪU SỐ B 01A-DN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		132.565.566.600	118.936.139.771
I. Nợ ngắn hạn	310		130.934.718.850	117.305.292.021
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	14.425.873.972	14.905.591.233
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.11	6.413.514.800	12.177.264.000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12b	1.100.809.196	784.083.266
4. Phải trả người lao động	314		1.011.819.411	5.830.491.028
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		30.083.313	-
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		130.772.728	96.054.545
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13a	72.582.638.373	49.763.156.814
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	34.766.986.247	33.568.380.325
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		472.220.810	180.270.810
II. Nợ dài hạn	330		1.630.847.750	1.630.847.750
1. Phải trả dài hạn khác	337	V.13b	1.630.847.750	1.630.847.750
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		34.224.633.267	41.765.978.913
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	34.224.633.267	41.765.978.913
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		25.927.400.000	25.927.400.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411		25.927.400.000	25.927.400.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.136.540.000	1.136.540.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		4.058.800.890	4.058.800.890
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		1.473.497.115	1.473.497.115
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.628.395.262	9.169.740.908
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421		2.078.425.218	1.679.884.863
- LNST chưa phân phối kỳ này	421		(450.029.956)	7.489.856.045
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		166.790.199.867	160.702.118.684



Trần Thị Ninh
Người lập



Dương Quang Trung
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 07 năm 2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

MẪU SỐ B 02A-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	96.625.303.692	132.629.119.871
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	310.305.000
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		96.625.303.692	132.318.814.871
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	84.528.162.130	111.924.560.467
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.097.141.562	20.394.254.404
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	818.974.712	47.712.174
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.859.480.823	1.345.136.090
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.292.911.363	1.234.887.723
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	2.448.372.193	3.322.033.321
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	9.235.273.768	10.786.621.737
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(627.010.510)	4.988.175.430
11. Thu nhập khác	31		46.764.894	35.520.620
12. Chi phí khác	32		112	12.470.141
13. Lợi nhuận khác	40		46.764.782	23.050.479
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(580.245.728)	5.011.225.909
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.7	(130.215.772)	1.017.953.182
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(450.029.956)	3.993.272.727
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	(174)	1.540
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8	(174)	1.540

Trần Thị Ninh
Người lập

Dương Quang Trung
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 07 năm 2020

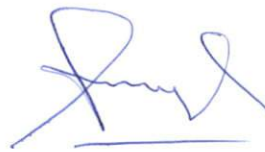
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2020

MẪU SỐ B 03a-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	(580.245.728)	5.011.225.909
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	1.500.524.844	1.546.674.929
Các khoản dự phòng	03	-	(165.945.599)
(Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(456.802.082)	(18.899.049)
(Lãi)/Lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(14.057.013)	(11.829.258)
Chi phí lãi vay	06	1.292.911.363	1.234.887.723
3. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	1.742.331.384	7.596.114.655
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09	(4.906.024.978)	(78.988.294.942)
(Tăng)/Giảm hàng tồn kho	10	(2.525.300.676)	(3.676.598.305)
Tăng/(Giảm) các khoản phải trả	11	(13.248.461.434)	18.677.613.991
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	815.279.304	(347.299.540)
Tiền lãi vay đã trả	14	(1.262.828.050)	(1.234.887.723)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(659.828.668)	(766.121.136)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(6.512.896.666)	(20.304.209.145)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(26.557.729.784)	(79.043.682.145)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHĐ khác	21	-	(46.840.000)
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	14.057.013	11.829.258
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	14.057.013	(35.010.742)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	34.766.953.247	110.704.326.095
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(33.568.347.325)	(12.266.640.494)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(3.009.945.000)	(5.040.461.125)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.811.339.078)	93.397.224.476
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(28.355.011.849)	14.318.531.589
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	37.036.720.768	21.440.788.185
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(4.806.699)	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	8.676.902.220	35.759.319.774



Trần Thị Ninh
Người lập



Dương Quang Trung
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 07 năm 2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (dưới đây gọi tắt là "Công ty") trước đây là Công ty Xuất nhập khẩu Hàng không được thành lập theo Quyết định số 1173/QĐ/TCCB/LĐ ngày 30/07/1994 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0106000496 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27/09/1994 cùng các lần sửa đổi bổ sung

Công ty Xuất nhập khẩu Hàng không được chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không theo Quyết định số 3892/QĐ-BGTVT ngày 17 tháng 10 năm 2005 của Bộ Giao thông vận tải và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103012269 ngày 18 tháng 05 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 ngày 01 tháng 07 năm 2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 8 ngày 01 tháng 07 năm 2020, vốn điều lệ Công ty là 25.927.400.000 đồng (hai mươi lăm tỷ, chín trăm hai mươi bảy triệu, bốn trăm nghìn đồng), tương đương 2.592.740 cổ phần, mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 26/10/2016, Công ty chính thức niêm yết giao dịch chứng khoán trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là ARM theo Giấy chứng nhận niêm yết cổ phiếu số 92/GCN-SGDHN ngày 06/10/2010 của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 là 107 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 108 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Kinh doanh máy bay, động cơ, dụng cụ, thiết bị, phụ tùng và vật tư máy bay;
- Kinh doanh phương tiện, thiết bị dụng, vật tư và phụ tùng cho ngành hàng không;
- Đại lý vé, giữ chỗ hàng không trong nước và quốc tế;
- Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng, kho bãi, kho ngoại quan;
- Dịch vụ ủy thác, xuất nhập khẩu kê khai hải quan;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải hàng;
- Xuất nhập khẩu các sản phẩm, hàng hóa Công ty kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Đến ngày 30 tháng 06 năm 2020, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không có chi nhánh hoạt động như sau: Chi nhánh Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Hàng không (TP Hà Nội) tại phòng 408, số 49 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN**Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

III. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.
Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2020 đến ngày 30 tháng 06 năm 2020 cho mục đích công bố thông tin.

IV. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 202") ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hình thức kế toán áp dụng: kế toán máy.

V. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá 03 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền hoặc thực tế đích danh hoặc phương pháp giá bán lẻ trong trường hợp hàng hóa). Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 08
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy vi tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Các loại phần mềm khấu hao từ 03 - 04 năm.

Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà xưởng, vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bất động sản đầu tư chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ suy giảm giá trị. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính trong vòng 05 - 25 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Doanh nghiệp sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái". Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận (hoặc lỗ) sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp - kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết - các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung kiểm soát với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tiền mặt	388.629.771	351.988.687
Tiền gửi ngân hàng	8.288.272.449	36.684.732.081
Cộng	8.676.902.220	37.036.720.768

2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng	28.859.829.988	29.174.075.174
- Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	9.830.901.714	14.275.359.356
- Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)	961.468.510	546.092.875
- Khách hàng khác	18.067.459.764	14.352.622.943
Cộng	28.859.829.988	29.174.075.174
b) Phải thu khách hàng bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)	10.792.370.224	14.821.452.231

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn	26.896.301.195	21.808.220.909
Công ty TNHH TM-DV XNK An Tâm	19.864.405.000	10.316.177.400
Công ty CP Thuận Quốc	1.912.617.794	3.674.280.391
Công ty TNHH In Thành Đô	1.320.894.751	2.612.713.587
Công ty TNHH Cambodia Angkor Air	12.422.000	12.422.000
Trả trước cho người bán khác	3.785.961.650	5.192.627.531
Cộng	26.896.301.195	21.808.220.909
b) Trả trước cho người bán là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)	12.422.000	12.422.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

4. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Phải thu khác ngắn hạn		
Tạm ứng	403.250.000	993.602.000
Ký cược, ký quỹ	849.166.300	986.562.300
Cho mượn		
Phải thu về ủy thác	64.108.007.404	36.732.015.934
<i>Trong đó:</i>		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	13.382.814.778	10.289.680.399
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)	46.581.757.912	23.239.297.576
Công ty TNHH Cambodia Angkor Air	1.290.460.076	1.094.868.899
Phải thu đối tượng khác	2.852.974.638	2.108.169.060
Phải thu khác	2.749.155.413	65.020.658
Cộng	68.109.579.117	38.777.200.892
b) Phải thu khác là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh VII.1)	61.255.032.766	34.623.846.874

5. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.101.151.244	-	1.101.151.244	-
Hàng hóa	18.571.037.506	-	16.045.736.830	-
Cộng	19.672.188.750	-	17.146.888.074	-

6. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	293.524.061	72.290.406
Cộng	293.524.061	72.290.406
b) Dài hạn		
Chi phí thiết bị, công cụ dụng cụ chờ phân bổ	392.663.715	577.699.590
Chi phí sửa chữa văn phòng	3.038.450.371	3.899.945.464
Chi phí trả trước dài hạn khác	374.056.819	364.038.810
Cộng	3.805.170.905	4.841.683.864

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNGSố 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề
Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09A-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****7. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày đầu kỳ	8.469.619.227	1.032.890.030	3.736.755.252	3.938.094.624	17.177.359.133
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(1.115.089.204)	-	-	-	(1.115.089.204)
Tại ngày cuối kỳ	7.354.530.023	1.032.890.030	3.736.755.252	3.938.094.624	16.062.269.929
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày đầu kỳ	3.321.700.334	536.274.356	2.770.374.688	3.757.867.693	10.386.217.071
Khấu hao trong kỳ	472.141.094	103.289.016	99.803.778	96.437.664	771.671.552
Chuyển sang bất động sản đầu tư	(614.403.940)	-	-	-	(614.403.940)
Tại ngày cuối kỳ	3.179.437.488	639.563.372	2.870.178.466	3.854.305.357	10.543.484.683
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	5.147.918.893	496.615.674	966.380.564	180.226.931	6.791.142.062
Tại ngày cuối kỳ	4.175.092.535	393.326.658	866.576.786	83.789.267	5.518.785.246

Nguyên giá tài sản cố định tại ngày 30 tháng 06 năm 2020 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 6.331.859.574 đồng. (Tại ngày 01 tháng 01 năm 2020 là 6.486.228.195 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**8. Tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày đầu kỳ	1.115.380.500	1.115.380.500
Tại ngày cuối kỳ	1.115.380.500	1.115.380.500
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày đầu kỳ	899.138.215	899.138.215
Khấu hao trong kỳ	54.133.338	54.133.338
Tại ngày cuối kỳ	953.271.553	953.271.553
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	216.242.285	216.242.285
Tại ngày cuối kỳ	162.108.947	162.108.947

9. Bất động sản đầu tư

	Nhà xưởng và quyền sử dụng đất VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại ngày đầu kỳ	13.105.329.226	13.105.329.226
Chuyển từ TSCDHH sang BDS đầu tư	1.115.089.204	1.115.089.204
Tại ngày cuối kỳ	14.220.418.430	14.220.418.430
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ		
Tại ngày đầu kỳ	8.289.193.696	8.289.193.696
Trích khấu hao trong kỳ	674.719.954	674.719.954
Chuyển từ TSCDHH sang BDS đầu tư	614.403.940	614.403.940
Tại ngày cuối kỳ	9.578.317.590	9.578.317.590
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	4.816.135.530	4.816.135.530
Tại ngày cuối kỳ	4.642.100.840	4.642.100.840

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNGSố 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề
Quận Long Biên, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09A-DN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**10. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty CP Thuận Quốc	5.087.997.116	5.087.997.116	5.420.748.740	5.420.748.740
Công ty TNHH Tiếp vận Tường Long	2.705.397.051	2.705.397.051	2.063.691.926	2.063.691.926
Công ty TNHH Viet sun Global	1.701.753.447	1.701.753.447	993.475.628	993.475.628
Công ty TNHH thương mại dịch vụ tư vấn Rừng Xanh	1.035.913.725	1.035.913.725	774.545.625	774.545.625
Công ty TNHH Quản lý Đầu tư B&T	535.900.000	535.900.000	534.405.000	534.405.000
Phải trả người bán khác	3.358.912.633	3.358.912.633	5.118.724.314	5.118.724.314
Cộng	14.425.873.972	14.425.873.972	14.905.591.233	14.905.591.233
b) Phải trả người bán là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)	674.237.378	674.237.378	426.752.738	426.752.738

11. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Tổng công ty cảng Hàng Không Việt Nam - CTCP	6.382.200.000	6.382.200.000	12.177.264.000	12.177.264.000
Người mua trả tiền trước khác	31.314.800	31.314.800	-	-
Cộng	6.413.514.800	6.413.514.800	12.177.264.000	12.177.264.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**12. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số cuối kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp /bù trừ trong kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	130.215.773	(130.215.773)	-	-
Cộng	130.215.773	(130.215.773)	-	-
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	315.732.202	7.709.004.912	7.493.761.524	100.488.814
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	659.828.668	659.828.668
Thuế thu nhập cá nhân	135.332.253	511.659.989	400.093.520	23.765.784
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	649.744.741	665.855.348	16.110.607	-
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Cộng	1.100.809.196	8.890.520.249	8.573.794.319	784.083.266

13. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Phải trả khác ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	8.985.356	-
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	2.425.812.057	250.277.057
Các khoản phải trả, phải nộp về ủy thác	65.833.126.748	46.821.166.361
Trong đó		
Công ty ROHR	14.012.982.082	5.931.182.062
Công ty TNHH Viet sun Global	12.810.748.489	8.862.385.084
Công ty TNHH Toàn cầu Khải Minh	9.557.613.359	4.084.127.518
Công ty International Aircraft Engineer	6.951.511.662	2.794.947.444
Công ty Boeing	5.281.418.922	3.526.874.108
Phải trả khác	17.218.852.234	21.621.650.145
Phải trả về ứng tiền thuế nhập khẩu	4.214.761.201	2.645.020.385
Phải trả khác	99.953.011	46.693.011
Cộng	72.582.638.373	49.763.156.814
b) Phải trả khác dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.630.847.750	1.630.847.750
Cộng	1.630.847.750	1.630.847.750
c) Phải trả khác là bên liên quan	4.249.542.088	1.409.121.396

(Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNGSố 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề
Quận Long Biên, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09A-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH***Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)****14. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ VND	Tăng VND	Giảm VND	Số đầu kỳ VND
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội (i)	31.852.920.000	31.852.920.000	33.568.347.325	33.568.347.325
Thấu chi phòng vé - Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam	33.000	-	-	33.000
Thấu chi - Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam (ii)	2.914.033.247	2.914.033.247	-	-
Cộng vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	34.766.986.247	34.766.953.247	33.568.347.325	33.568.380.325

Công ty xác định có đầy đủ khả năng trả nợ đối với tất cả các khoản nợ vay đến hạn.

- (i) Khoản vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội (Vietinbank) theo hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2019-HĐCVHN/NHCT146-AIRIMEX và hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2020-HĐCVHM/NHCT146-AIRIMEX với hạn mức vay 90 tỷ VND nhằm phục vụ hoạt động kinh doanh thương mại, hoạt động ủy thác của Công ty. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.
- (ii) Khoản thấu chi tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội theo hợp đồng vay số 02/2020-HĐTDHMTN/NHCT146-AIRIMEX ngày 11 tháng 06 năm 2020, tổng mức dư nợ theo hợp đồng này tại mọi thời điểm không vượt quá 40 tỷ đồng, thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31 tháng 05 năm 2021, thời hạn tối đa của mỗi khoản thấu chi là 1 tháng kể từ ngày thấu chi. Mục đích khoản thấu chi là để bổ sung vốn lưu động thiếu hụt tạm thời trong thanh toán phục vụ hoạt động ủy thác, lãi suất thấu chi được điều chỉnh 1 tháng/lần, lãi suất đối với dư nợ gốc thấu chi quá hạn bằng 50% lãi suất thấu chi trong hạn, lãi suất thấu chi trong ngày là 8,5%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG KHÔNGSố 414, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề
Quận Long Biên, thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09A-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)**15. Vốn chủ sở hữu****a. Tình hình biến động vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Cộng VND
Tại ngày đầu năm trước	25.927.400.000	1.136.540.000	4.058.800.890	1.473.497.115	7.547.567.252	40.143.805.257
Lãi trong năm	-	-	-	-	7.489.856.045	7.489.856.045
Trả cổ tức năm 2018	-	-	-	-	(5.185.480.000)	(5.185.480.000)
Trích quỹ KTPL năm 2018	-	-	-	-	(682.202.389)	(682.202.389)
Tại ngày đầu năm nay	25.927.400.000	1.136.540.000	4.058.800.890	1.473.497.115	9.169.740.908	41.765.978.913
Lãi trong năm	-	-	-	-	(450.029.956)	(450.029.956)
Thưởng ban điều hành (i)	-	-	-	-	(209.085.690)	(209.085.690)
Chia cổ tức (i)	-	-	-	-	(5.185.480.000)	(5.185.480.000)
Quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	-	-	(1.696.750.000)	(1.696.750.000)
Tại ngày cuối kỳ	25.927.400.000	1.136.540.000	4.058.800.890	1.473.497.115	1.628.395.262	34.224.633.267

(i) Theo Nghị quyết đại hội đồng thường niên năm 2020 số 15/2020/NQ-ĐHĐCĐ-XNK ngày 15 tháng 05 năm 2020.

b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	10.710.000.000	10.710.000.000
Ông Đào Khắc Hậu	6.481.490.000	6.481.490.000
Ông Đào Anh Hùng	2.600.000.000	2.600.000.000
Các cổ đông khác	6.135.910.000	6.135.910.000
Cộng	25.927.400.000	25.927.400.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

22. Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ Cổ phần	Số đầu kỳ Cổ phần
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.592.740	2.592.740
- Cổ phiếu phổ thông	2.592.740	2.592.740
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.592.740	2.592.740
- Cổ phiếu phổ thông	2.592.740	2.592.740
Mệnh giá 10.000 VND/cổ phần		

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
a) Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
Doanh thu bán hàng	54.126.136.965	82.390.741.462
Doanh thu dịch vụ ủy thác xuất, nhập khẩu	12.823.492.602	21.648.885.958
Doanh thu dịch vụ ủy thác vận chuyển	22.826.138.764	21.703.780.818
Doanh thu dịch vụ cho thuê nhà	6.061.132.742	5.794.051.223
Doanh thu dịch vụ vé máy bay	788.402.619	1.091.660.410
Cộng Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	96.625.303.692	132.629.119.871
b) Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ bên liên quan	48.405.235.663	95.760.649.917
(Chi tiết tại thuyết minh số VII.1)		

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	52.179.568.921	78.234.088.128
Giá vốn của dịch vụ ủy thác vận chuyển	21.736.339.123	20.525.657.328
Giá vốn của dịch vụ khác	10.612.254.086	13.164.815.011
Cộng	84.528.162.130	111.924.560.467

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.057.013	11.829.258
Lãi chênh lệch tỷ giá	804.917.699	35.882.916
Cộng	818.974.712	47.712.174

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP THEO)**4. Chi phí tài chính**

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền vay	1.292.911.363	1.234.887.723
Lỗ chênh lệch tỷ giá	566.569.460	110.248.367
Cộng	1.859.480.823	1.345.136.090

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	63.507.323	129.819.049
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	57.393.363	115.653.567
Chi phí khấu hao tài sản	162.339.024	172.223.099
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.785.737.485	2.330.142.733
Chi phí bằng tiền khác	379.394.998	740.140.472
Hoàn nhập chi phí bảo hành	-	(165.945.599)
Cộng	2.448.372.193	3.322.033.321

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Chi phí nhân viên quản lý	3.076.006.810	3.543.489.222
Chi phí vật liệu văn phòng	346.445.975	380.916.119
Chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng	70.131.000	30.579.833
Chi phí khấu hao tài sản	663.465.866	729.509.270
Thuế và các khoản lệ phí	669.855.348	762.267.539
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.849.882.808	3.399.347.483
Chi phí khác bằng tiền	1.559.485.961	1.940.512.271
Cộng	9.235.273.768	10.786.621.737

7. Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành điều chỉnh giảm trong kỳ do ảnh hưởng việc ghi nhận trùng thuế TNDN phải nộp bổ sung theo Quyết định số 82857/QĐ-CT-TKT4-XPVPHC ngày 01 tháng 11 năm 2019 số tiền 130.215.772 đồng trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế	(450.029.956)	3.993.272.727
Trừ: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi ước tính	-	-
Lợi nhuận/(lỗ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(450.029.956)	3.993.272.727
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.592.740	2.592.740
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(174)	1.540

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN KHÁC

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Danh sách các bên liên quan:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Chủ sở hữu
Công ty TNHH Kỹ thuật Máy bay VAECO	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam	Công ty trong cùng tập đoàn
Trung tâm huấn luyện bay - CN Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	Công ty trong cùng tập đoàn
Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP khu vực miền Nam	Công ty trong cùng tập đoàn
Công ty TNHH Cambodia Angkor Air	Công ty trong cùng tập đoàn
Ban Giám đốc, Hội đồng Quản trị và các cổ đông lớn	Điều hành Công ty

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	<u>Kỳ này VND</u>	<u>Kỳ trước VND</u>
Bán hàng		
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	46.773.217.059	64.957.119.214
Công ty TNHH Kỹ thuật Máy bay VAECO	1.505.342.198	2.950.108.676
Công ty CP Tin học Viễn thông Hàng không	-	357.861.640
Công ty TNHH MTV Dịch vụ mặt đất Sân bay Việt Nam	-	27.180.000.000
Công ty TNHH Cambodia Angkor Air	126.676.406	315.560.387
Mua hàng		
Công ty TNHH Kỹ thuật Máy bay VAECO	143.370.000	213.552.180
Chi nhánh Tổng Công ty Hàng không Việt Nam – CTCP khu vực miền Nam	284.181.398	281.065.830
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	8.646.453.364	27.526.585.836
	<u>Số cuối kỳ VND</u>	<u>Số đầu kỳ VND</u>
Các khoản phải thu khách hàng	10.792.370.224	14.821.452.231
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	9.830.901.714	14.275.359.356
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)	961.468.510	546.092.875
Các khoản phải thu khác	61.255.032.766	34.623.846.874
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	13.382.814.778	10.289.680.399
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)	46.581.757.912	23.239.297.576
Công ty TNHH Cambodia Angkor Air	1.290.460.076	1.094.868.899
Các khoản phải trả người bán	674.237.378	426.752.738
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	674.237.378	426.752.738
Các khoản trả trước người bán	12.422.000	12.422.000
Công ty TNHH Cambodia Angkor Air	12.422.000	12.422.000
Các khoản phải trả khác	4.249.542.088	1.409.121.396
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam - CTCP	2.186.175.813	435.268.010
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật máy bay (VAECO)	2.063.366.275	973.853.386

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)

Thu nhập của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc:

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lương, thưởng	1.047.346.676	1.261.193.322
Cộng	1.047.346.676	1.261.193.322

2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

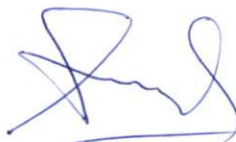
Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là số liệu trên Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2019 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam.



Trần Thị Ninh
Người lập



Dương Quang Trung
Kế toán trưởng



Nguyễn Duy Việt
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 07 năm 2020